

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ BẤT ĐỘNG SẢN CDL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ BẤT ĐỘNG SẢN CDL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CDL TRAVEL SERVICES AND REAL ESTATE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CDL REAL ESTATE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110150110

3. Ngày thành lập: 13/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 1706, Tầng 17, nhà D - Số 226 Phố Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0835556789

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá tài sản)	4511
6.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá tài sản)	4541
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn Dược phẩm)	4649
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
14.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
15.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
16.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
17.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
18.	Trồng cây hàng năm khác	0119

19.	Trồng cây ăn quả	0121
20.	Trồng cây điều	0123
21.	Trồng cây hồ tiêu	0124
22.	Trồng cây cao su	0125
23.	Trồng cây cà phê	0126
24.	Trồng cây chè	0127
25.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
26.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
31.	Khai thác gỗ	0220
32.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
33.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
34.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
35.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Không bao gồm các hoạt động Dịch vụ báo cáo Tòa án; Hoạt động đấu giá độc lập) Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
37.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
38.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
39.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ massage; Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
40.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán) Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
41.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
42.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
43.	Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)	7020

44.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Tư vấn giám sát thi công xây dựng.	7110
45.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
46.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
48.	Cho thuê xe có động cơ	7710
49.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm) Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	4690
50.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
51.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
52.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
53.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
54.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
55.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
56.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
57.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
58.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
59.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
60.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
63.	Bốc xếp hàng hóa	5224
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
65.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
66.	Cơ sở lưu trú khác	5590
67.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
68.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
69.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

70.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm quán bar, vũ trường, karaoke)	5630
71.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
73.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
74.	Đại lý du lịch	7911
75.	Điều hành tua du lịch	7912
76.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
77.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
78.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
79.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
80.	Xây dựng nhà để ở	4101
81.	Xây dựng nhà không để ở	4102
82.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
83.	Xây dựng công trình điện	4221
84.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
85.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
86.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
87.	Xây dựng công trình thủy	4291
88.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
89.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
90.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
91.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
92.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
93.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
94.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
95.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

6. Vốn điều lệ: 6.600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ DUNG	Việt Nam	Số 8 ngõ 43/3 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.518.000.000	23,000	001180025068	
2	PHẠM MANH CUỒNG	Việt Nam	Số 2 Ngõ 656 Hoàng Hoa Thám, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.082.000.000	77,000	025077000461	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM MANH CUỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Công ty

Sinh ngày: 27/02/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025077000461

Ngày cấp: 29/05/2018

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 2 Ngõ 656 Hoàng Hoa Thám, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 2 Ngõ 656 Hoàng Hoa Thám, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội